TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23–02– 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Bà Ngô Như Ý

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 263/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Trúc X, sinh năm 1986 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Châu Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị Trúc X trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị X và anh T xây dựng hôn nhân với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C năm 2008, theo giấy chứng nhận kết hôn số 135/2008 ngày 24/10/2008. Quá trình chung sống, chị X với anh T có một người con chung là cháu Châu Phan Việt T1, sinh ngày 13/11/2008. Hiện cháu T1 đang sống cùng với chị X.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Sau khi cưới, chi X và anh T sống chung nhà với cha mẹ anh T tại ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu khoảng 05 tháng, sau đó hai vợ chồng đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm, chăm sóc chị X. Đến khi chị Xuân s cháu T1 thì chị X đã về nhà mẹ ruột chị X sinh sống và từ đó chị X và anh T ly thân cho đến nay. Hiện cháu T1 đã 16 tuổi nhưng anh T không một lần về thăm cháu T1. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu ly hôn với anh T. Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Châu Văn T không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng anh T không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh T. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Châu Phan Việt T1, sinh ngày 13/11/2008 cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu T1 đang sống cùng chị X. Chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Chị X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003796 ngày 06/12/2023 được chuyển thu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 03 tháng 11 năm 2023 chị Phan Thị Trúc X nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Châu Văn T. Anh T có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị X, anh T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị X và anh T tự nguyện chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 135/2008 ngày 24/10/2008 do Ủy ban

nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp nên hôn nhân giữa chị X và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị X xác định trong thời gian chung sống, giữa chị X và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến, thường xuyên gày cải, anh T không quan tâm chị X. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, chị X và anh T đã ly thân từ tháng 11/2008 đến nay. Nay chị X yêu cầu ly hôn với anh T. Phía anh T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên anh T không có lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai chị X phù hợp với lời khai bà Lê Thị T2 là mẹ ruột anh T. Bà T2 xác định, quá trình chung sống, chị X và anh T có mâu thuẫn (do anh T có tâm sự với bà T2), anh T và chị X đã ly thân khoảng 13 năm nay. Anh T có biết chị X nộp đơn ly hôn (do bà T2 có thông báo lại cho anh T) nhưng anh T bận đi làm xa không về được, anh T có nói với bà T2 là anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị X và anh T không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, chị X và anh T đã ly thân từ tháng 11/2008 đến nay. Chị X không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị X yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh T.

[4]. Về con chung: Chị X và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung là cháu Châu Phan Việt T1, sinh ngày 13/11/2008.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu T1, do cháu T1 đang sống cùng chị X nên cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị X tiếp tục nuôi dạy. Điều này phù hợp với nguyện vọng cháu T1.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X xác định chị và anh T chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung và không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị X phải chịu 300.000 đồng, chị X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003796 ngày 06/12/2023 được chuyển thu án phí.

[8. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phan Thị Trúc X đối với anh Châu Văn T. Xử cho chị Phan Thị Trúc X được ly hôn đối với anh Châu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Phan Việt T1, sinh ngày 13/11/2008 cho chị Phan Thị Trúc X tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu T1 đang sống cùng với chị X.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Trúc X không yêu cầu anh Châu Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị X xác định về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị X phải chịu 300.000 đồng, chị X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003796 ngày 06/12/2023 được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.